TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/HS-ST
Ngày 08/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Sự;
Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:* Bà Kim Thị Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Trọng N, sinh ngày 01/01/1968 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có vợ tên Chiêu Thị Ngọc T (là bị cáo trong vụ án), sinh năm 1984 và có 01 người con chung sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Trọng N bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng N: Ông Lê Văn M là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Theo Quyết định số 31/QĐ-TTTGPL ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B về việc cử Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng). Có mặt.

2. Họ và tên: Chiêu Thị Ngọc T, sinh ngày 20/12/1984 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chiêu Ngọc M1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T1 (là bị cáo trong vụ án), sinh năm 1960; bị cáo có chồng tên Nguyễn Trọng N (là bị cáo trong vụ án), sinh năm 1968 và có 01 người con chung sinh năm 2017 (bị cáo có 02 người con riêng, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo Chiêu Thị Ngọc T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Chiêu Thị Ngọc T: Ông Nguyễn Trọng T2 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Theo Quyết định số 102/QĐ-TTTGPL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng). Có mặt.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị T1, sinh ngày 05/5/1960 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T3, sinh năm 1935 (chết) và bà Đỗ Thị T4, sinh năm 1935 (chết); bị cáo có chồng tên Chiêu Ngọc M1, sinh năm 1960 và có 02 người con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1995; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Thị T1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 03/5/1972 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết, không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1943 (chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị D, sinh năm 1973 và có 01 người con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Q bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị G, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

4. Bà La Thị Kim L, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ 45 phút, ngày 17/10/2023, Đ2 Công an huyện P phối hợp với Công an xã T kiểm tra hành chính nhà của Nguyễn Trọng N và Chiêu Thị Ngọc T, tại số nhà F, tổ B, ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương phát hiện lập biên bản quả tang 04 đối tượng tụ tập chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền gồm: Hà Thị L1, La Thị Kim L, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị M2. Mở rộng kiểm tra, đến 17 giờ cùng ngày, Đ2 Công an huyện P phối hợp với Công an xã T phát hiện thêm N và T có hành vi mua bán số đề thắng thua bằng tiền. Đội Cảnh sát hình sự

Công an huyện P cùng Công an xã T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi mua bán số đề đối với N, T và đưa các đối tượng liên quan về trụ sở cơ quan Công an xã T làm việc.

Qua làm việc, xác định các đối tượng Hà Thị L1, La Thị Kim L, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị M2 tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài tứ sắc cụ thể như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 17/10/2023, La Thị Kim L và Nguyễn Thị H2 đến nhà Nguyễn Trọng N và Chiêu Thị Ngọc T chơi. Một lúc sau có Nguyễn Thị M2 và Hà Thị L1 cùng đến chơi. Trong lúc ngồi chơi, T có rủ L, H2, M2, L1 có chơi đánh bài tứ sắc thì T lấy bài ra cho mọi người chơi thì L, H2, M2, L1 đồng ý. Trân lấy bộ bài tứ sắc có sẵn tại nhà cho L, H2, M2, L1 chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền tại nhà T, T ngồi xem không chơi đánh bạc.

Hình thức đánh bạc và tỷ lệ thắng thua như sau: Có 04 người trực tiếp chơi đánh bạc, người chia bài được 21 lá bài, ba người còn lại được 20 lá bài, số bài còn dư để dưới chiếu bạc để bốc thêm bài. Sau đó người chia bài đánh lá bài đầu tiên, những người còn lại ai có lá bài giống với lá bài người chia đánh thì đánh xuống, nếu không có thì bốc thêm lá bài ở dưới, rồi đánh tiếp lá bài khác cho những người còn lại đánh tiếp, cứ như vậy, nếu bài của ai có hai cặp lá bài cùng màu, cùng loại quân thì gọi là tới quan, sẽ thắng số tiền 60.000 đồng, nếu không có 02 cặp lá bài cùng màu, cùng loại quân thì gọi là tới trơn, sẽ thắng số tiền 30.000 đồng. L, H2, M2, L1 bị Công an phát hiện lập biên bản vi phạm quả tang.

Qua điều tra, xác định số tiền Hà Thị L1, La Thị Kim L, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị M2 sử dụng đánh bạc như sau:

- Hà Thị L1 đem theo số tiền 6.900.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng số tiền 400.000 đồng vào mục đích đánh bạc, còn số tiền 6.500.000 đồng để đi khám bệnh và để trong bóp cất trên người, không bỏ ra chiếu bạc. Khi Công an phát hiện quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 400.000 đồng, thu giữ trên người 6.500.000 đồng. Bà Hà Thị L1 đã chết ngày 09/3/2024 theo Giấy chứng tử số 73/TLKT-BS ngày 14/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

- La Thị Kim L đem theo số tiền 1.100.000 đồng sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, khi Công an phát hiện quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 100.000 đồng, thu trên người 900.000 đồng, L đánh bạc thua 100.000 đồng.

- Nguyễn Thị H2 đem theo số tiền 570.000 đồng sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, khi Công an phát hiện quả tang thu tại chiếu bạc số tiền 510.000 đồng, H2 đánh bạc thua số tiền 60.000 đồng.

- Nguyễn Thị M2 đem theo số tiền 1.400.000 đồng sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, khi Công an phát hiện quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 160.000 đồng, thu trên người số tiền 1.400.000 đồng. M2 đánh bạc thắng số tiền 160.000 đồng.

Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 3.470.000 đồng.

Đối với hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức mua bán số đề của Nguyễn Trọng N và Chiêu Thị Ngọc T, N và T khai nhận toàn bộ hành vi mua bán số đề thắng thua bằng tiền và sau đó chuyển lại số đề cho bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột của T), cụ thể như sau:

I. Ngày 17/10/2023, Nguyễn Trọng N sử dụng điện thoại Nokia màu đen của mình có gắn sim số 0365113272 để bán số đề cho những người sau:

1. Nguyễn Ngọc Q đến nhà N mua số đề của đài xổ số Miền Nam và đã thanh toán tiền cho N:

- Số 46 đầu 60.000 đồng + số 46 đuôi 50.000 đồng = 110.000 đồng (Đài V).
- Số 46 bao lô 40.000 đồng x 18 lô x 3 đài = 2.160.000 đồng nhưng chỉ tính 1.680.000 đồng (Đài V, Bến Tre, Bạc Liêu).

Tổng cộng 2.270.000 đồng nhưng chỉ tính 1.790.000 đồng.

Kết quả xổ số, Quá trúng số đề số 46 bao lô đài Bạc Liêu, được số tiền 2.800.000 đồng (40.000 đồng x 70).

Vậy, tổng số tiền N và Q đánh bạc (tiền mua số đề và tiền trúng số đề) là 5.070.000 đồng nhưng chỉ tính 4.590.000 đồng.

2. Nguyễn Văn H1 gọi điện thoại cho N để mua số đề thông qua số điện thoại 0985011282 và chưa đưa tiền mua số đề cho N:

Số 32 bao lô 50.000 đồng x 18 lô, thành tiền là 900.000 đồng nhưng chỉ tính 700.000 đồng (Đài V).

Kết quả xổ số Hoàng trúng số đề được số tiền 3.500.000 đồng (50.000 đồng x 70)

Vậy tổng số tiền H1 và N đánh bạc là 4.400.000 đồng (tiền mua số đề và tiền trúng số đề) nhưng chỉ tính 4.200.000 đồng.

3. Chiêu Thị Ngọc T (vợ N) bán số cho một người không rõ lai lịch, sau đó tổng hợp đưa lại cho N để N tổng hợp giao cho bà T1 con số:

- Số C bao lô 20.000đ x 18 lô, thành tiền là 360.000 đồng nhưng chỉ tính 280.000 đồng (Đài V).

Kết quả xổ số không trúng số đề.

4. Trương Thị G nhắn tin mua số đề của N thông qua số điện thoại 0362121847, N lưu trong danh bạ điện thoại là "Be 5 Nhan" và chưa đưa tiền mua số đề cho N:

4.1. Đài xổ số Bạc Liêu:

+ Số 808b2: số 808 bao lô 2.000₫ x 17 lô = 34.000₫
+ Số 357b2: số 357 bao lô 2.000₫ x 17 lô = 34.000₫
+ Số 28.68dal: số 28 68 dá 1.000₫ x 02 x 18 lô = 36.000₫
+ Số 28d12d10: số 28 dầu 12.000₫ + số 28 đuôi 10.000₫ = 22.000₫
+ Số 68d12d10: số 68 dầu 12.000₫ + số 68 đuôi 10.000₫ = 22.000₫

Số tiền G và N đánh bạc đài Bạc Liêu là: 148.000 đồng.

4.2. Đài xổ số Bến Tre:

+ Số 808b2: số 808 bao lô 2.000d x 17 lô =34.000₫
+ Số 357b2: số 357 bao lô 2.000₫ x 17 lô = 34.000₫
+ Số 28.68da1: số 28 68 đá 1.000₫ x 18 lô = 36.000₫
+ Số 28d12d10: số 28 dầu 12.000đ + số 28 đuôi 10.000₫ = 22.000₫
+ Số 68d12d10: số 68 đầu 12.000₫ + số 68 đuôi 10.000₫ = 22.000₫

Số tiền G và N đánh bạc đài Bến Tre là:148.000 đồng.

4.3. Đài V:

+ Số 808b2: số 808 bao lô 2.000₫ x 17 lô = 34.000₫
+ Số 357b2: số 357 bao lô 2.000₫ x 17 lô = 34.000d

+ Số 28.68dal: số 28 68 đá 1.000₫ x 02 x 18 lô =36.000₫
+ Số 28d12d10: số 28 đầu 12.000₫ + số 28 đuôi 10.000d = 22.000₫
+ Số 68d12d10: số 68 đầu 12.000₫ + số 68 đuôi 10.000₫ = 22.000d
+ Số 28d30d14: số 28 đầu 30.000₫ + số 28 đuôi 14.000d = 44.000d
+ Số 25.28da2: số 25 28 dá 2.000₫ x 18 lô x 02=72.000₫
+ Số 42.28da2: số 42 28 dá 2.000₫ x 18 lô x 02=72.000d
+ Số 24.42da2: số 24 42 đá 2.000₫ x 18 lô x 02 = 72.000₫
+ Số 49d30d14: số 49 đầu 30.000₫ + số 49 đuôi 14.000₫ = 44.000₫
+ Số 42b10: số 42 bao lô 10.000₫ x 18 lô = 180.000₫
+ Số 91d30d14: số 91 đầu 30.000₫ + số 91 đuôi 14.000₫ =44.000₫
+ Số 39d20d13: số 39 đầu 20.000₫ + số 39 đuôi 13.000₫ = 33.000₫
+ Số 79d20d13: số 79 đầu 20.000₫ + số 79 đuôi 13.000₫ = 33.000₫
+ Số 73d30d14: số 73 đầu 30.000₫ + số 73 đuôi 14.000₫ – 44.000₫
+ Số 33d20d13: số 33 dầu 20.000đ + số 33 đuôi 13.000₫ –=33.000₫
+ Số 481b5: số 481 bao lô 5.000₫ x 17 lô = 85.000₫
+ Số 681b2: số 681 bao lô 2.000₫ x 17 lô = 34.000₫
+ Số 679b2: Số F bao lô 2.000 đ x 17 lô = 34.000đ
+ Số 487b3: Số D bao lô 3.000đ x 17 lô = 51.000đ
+ Số 41.23da2: Số D 23 đá 2.000đ x 18 lô x 2 = 72.000đ
+ Số 042b3: Số D bao lô 3.000đ x 17 lô = 51.000đ
+ Số 81b10: Số H bao lô 10.000đ x 18 lô = 180.000đ
+ Số 28b10: Số B bao lô 10.000đ x 18 lô = 180.000 đồng
Số tiền G và N đánh bạc đài Vũng Tàu là: 1.506.000 đồng.

Tổng số tiền G và N đánh bạc của 03 đài xổ số là: 1.802.000 đồng. Kết quả xổ số, Giảng trúng số đề con số 24-42 đá 2.000đ, được số tiền 1.400.000 đồng (1.000đ/700.000đ) và trúng con số 42 bao lô 10.000 đồng, được số tiền 700.000 đồng (10.000đ x 70). Tổng số tiền trúng là 2.100.000 đồng.

Vậy tổng số tiền G và N đánh bạc, bao gồm tiền trúng số đề và tiền mua số đề là: 1.802.000 đồng + 2.100.000 đồng = 3.902.000 đồng nhưng chỉ tính 3.599.000 đồng.

5. N bán số đề cho người không rõ lai lịch:

Số 282b10: số 282 bao lô 10.000 đồng x 17 lô = 170.000 đồng nhưng chỉ tính 140.000 đồng (Đài V).

Kết quả xổ số: Không trúng số đề.

6. N bán số đề cho Nguyễn Tấn Đ1, N lưu trong danh bạ điện thoại là "A 3 Đục" số điện thoại 0948548878, Đ1 chưa thanh toán tiền cho N:

6.1. Đài V:

- Số 76b10: số 76 bao lô 10.000 đồng x 18 lô = 180.000 đồng nhưng chỉ tính 140.000 đồng
- Số 276xc30: số 276 xỉu chủ 30.000 đồng = 60.000 đồng

Tổng số tiền bán số đề cho Đ1 đài M là: 240.000 đồng nhưng chỉ tính 200.000 đồng.

Kết quả xổ số: Không trúng số đề.

6.2. Đài M:

- Số 78b5: số 78 bao lô 5.000d x 27 lô =135.000 đồng nhưng chỉ tính 105.000 đồng

- Số 27865: số 278 bao lô 5.000 đồng x 23 lô = 115.000 đồng nhưng chỉ tính 105.000 đồng

Tổng số tiền bán số đề cho Đ1 đài Miền B là: 250.000 đồng nhưng chỉ tính 210.000 đồng.

Chưa đến giờ xổ số Miền B thì bị bắt quả tang.

II. Ngày 16/10/2023, N, T đã bán số để cho các đối tượng sau:

1. Trân bán số đề cho người có số điện thoại 0971031478 (không rõ lai lịch): số 383b10 của đài Thành phố H với số tiền là 170.000 đồng nhưng chỉ tính 140.000 đồng, đã thanh toán tiền cho T, sau đó, T chuyển số đề này cho N để N tổng hợp giao lại cho T1.

2. Trương Thị G mua số đề đài Miền Bắc gồm:

- Số 52d22d22 với số tiền là 44.000 đồng
- Số 54.38dal với số tiền là 54.000 đồng nhưng chỉ tính 42.000 đồng
- Số 38b5 với số tiền là 135.000 đồng nhưng chỉ tính 105.000 đồng
- Số 52.74dal với số tiền là 54.000 đồng nhưng chỉ tính 42.000 đồng
- Số 04.40dal với số tiền là 54.000 đồng nhưng chỉ tính 42.000 đồng
- Số 138b3 là 69.000đ nhưng chỉ tính 63.000 đồng
- Số 68d11d11 là 22.000 đồng

Tổng số tiền là 432.000 đồng nhưng chỉ tính 360.000 đồng. Kết quả không trúng số đề.

III. Ngày 20/9/2023, T bán số đề cho người không rõ nhân thân lai lịch rồi chuyển cho N để N tổng hợp giao lại cho T1 số: 38 bao lô 5, đá 5 của đài xổ số Đ3 với số tiền 180.000 đồng. Kết quả xổ số người này không trúng số đề.

Sau khi bán số đề vào ngày 20/9/2023, 16/10/2023 và 17/10/2023, N giao lại hết toàn bộ số đề cho bà Nguyễn Thị T1. Đối với ngày 17/10/2023, chỉ giao cho bà T1 đài M, đài Miền B chưa giao thì bị bắt quả tang.

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T và Nguyễn Thị T1 với người không rõ lai lịch ngày 20/9/2023 là 180.000 đồng nhưng thực tế chỉ thanh toán 140.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T và Nguyễn Thị T1 với Trương Thị G, ngày 16/10/2023, của đài xổ số Miền B là 432.000 đồng nhưng chỉ tính là 360.000 đồng; N, T, T1 đánh bạc với một người không rõ lai lịch ngày 16/10/2023, của đài xổ số M3 là 170.000 đồng nhưng chỉ tính 140.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T với Nguyễn Tấn Đ1, đài xổ số Miền B, ngày 17/10/2023 là 250.000 đồng nhưng chỉ tính 210.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T và Nguyễn Thị T1 với Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn H1, Trương Thị G, Nguyễn Tấn Đ1 và 02 người không rõ lai lịch, đài xổ số M3, ngày 17/10/2023 là 14.142.000 đồng (mười bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng), bao gồm cả tiền bán số đề và tiền trúng số đề (tiền bán số đề là 5.722.000 đồng, tiền trúng số đề là 8.400.000 đồng). Trong đó: Tổng số tiền N, T, T1 và Nguyễn Ngọc Q đánh bạc (tiền mua số đề và tiền trúng số đề của đài xổ số M3) là 5.070.000 đồng. Số tiền H1 và N, T, T1 đánh bạc là 4.400.000 đồng (tiền mua số đề và tiền trúng số đề). Số tiền G và N, T, T1 đánh bạc,

bao gồm tiền trúng số đề và tiền mua số đề là 3.902.000. Số tiền N, T, T1 và Đ1 đánh bạc đài M3 là: 240.000 đồng. Số tiền N, T, T1 đánh bạc với 02 đối tượng không rõ lai lịch là 530.000 đồng.

Đối với Chiêu Thị Ngọc T, T là con gái bà T1 và là vợ của N, T biết N và T1 có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền hình thức mua bán số đề, T vẫn giúp cho N và T1 bán số đề cho người mua số đề rồi chuyển số đề đã bán cho N để N tổng hợp giao lại cho bà T1 mục đích là có thu nhập để gửi cho bà T1 nuôi hai con riêng của T. T khai nhận T và N đều đồng lòng để bán số đề giao lại cho bà T1 nhằm mục đích có tiền nuôi con, sau khi N giao số đề cho bà T1, N và T1 tính số tiền thắng, thua thì T hoặc N sẽ ra bưu điện chuyển tiền thắng cho bà T1, nếu thua thì T hoặc N sẽ ra bưu điện nhận tiền từ bà T1 chuyển về để chung tiền cho những người mua số đề trúng số đề. Khi giao số đề cho bà T1, T và N không hưởng tiền hoa hồng vì có tiền thắng thì gửi cho bà T1 nuôi con.

Tại bản Cáo trạng số: 144/CT-VKSPG ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q phạm tội "Đánh bạc";

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s, p khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạm không giam giữ; hình phạt bổ sung: Không.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo: Xử phạt bị cáo Chiêu Thị Ngọc T từ 07 (bảy) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 02 (hai) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; hình phạt bổ sung: Không.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ

luật Hình sự về án treo: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 từ 07 (bảy) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 02 (hai) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng; hình phạt bổ sung: Không.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); hình phạt bổ sung: Không.

- Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 17.319.000đ (mười bảy triệu ba trăm mười chín nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di dộng hiệu N2 màu đen, số imei: 357698106932999; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xám xanh, số imei 354257/06/693512/1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax (điện thoại bị vỡ mặt trước và mặt sau, được niêm phong trong bì thư có chữ ký của Nguyễn Quốc N1, Ninh Thị Thu V và dấu mộc đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo); 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A57 màu đen, imei1: 869945067382339, imei2: 869945067382321 và 01 (một) điện thoại di động hiệu N2 màu đen, imei: 352055/02/050664/6.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 02 (hai) tờ giấy màu vàng có ghi số đề (phơi đề); 07 (bảy) tờ lịch xé nhỏ có ghi số đề (phơi đề); 01 (một) cuốn sổ tay bìa màu đỏ, bên trong có 07 (bảy) tờ giấy ghi số đề (phơi đề).

Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T và Nguyễn Thị T1 liên đới nộp lại số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng N, ông Lê Văn M trình bày trong phần tranh luận: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp đối với bị cáo Nguyễn Trọng N. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xem xét thêm cho bị cáo Nghĩa là gia đình thuộc diện hộ nghèo tại địa phương, bản thân chưa có tiền án, tiền sự mong Hội đồng xét xử xem xét ngoài áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm i, p, s khoản 1 Điều 51; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N.

Bị cáo Nguyễn Trọng N thống nhất với lời tranh luận của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo N không tranh luận gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo Chiêu Thị Ngọc T, ông Nguyễn Trọng T2 trình bày trong phần tranh luận: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp đối với bị cáo Chiêu Thị Ngọc T. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xem xét thêm cho bị cáo T là gia đình thuộc diện hộ nghèo tại địa phương, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo T là lao động chính trong gia đình, hiện có 02 con nhỏ đang học tại Thành phố Hồ Chí Minh và 01 con nhỏ đang sống cùng với bị cáo, chồng của bị cáo T là bị cáo N trong vụ án là người khuyết tật đặc biệt nặng mong Hội đồng xét xử xem xét ngoài áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

Bị cáo Chiêu Thị Ngọc T thống nhất với lời tranh luận của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo T không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q không có ý kiến tranh luận, thống nhất với tội danh và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà thống nhất với đề nghị của người bào chữa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q: Các bị cáo ăn năn, hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị G, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Nguyễn Văn H1, bà La Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị M2 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, bà Trương Thị G, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Nguyễn Văn H1, bà La Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị M2 đã có lời khai đầy đủ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung vụ án: Khoảng 17 giờ ngày 17/10/2023, tại số nhà F, tổ B, ấp G, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương của các bị cáo Nguyễn Trọng N và Chiêu Thị Ngọc T. Các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Ngọc Q và các đối tượng Trương Thị G, Nguyễn Tấn Đ1, Nguyễn Văn H1, La Thị Kim L, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị M2 cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức mua bán số đề.

[3.1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q khai nhận: Nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo công bố tại phiên tòa giống với Cáo trạng mà các bị cáo đã nhận và phù hợp với diễn biến sự việc, hành vi của các bị cáo.

[3.2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị G, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Nguyễn Văn H1, bà La Thị Kim L, bà Nguyễn Thị H2 và bà Nguyễn Thị M2, phù

hợp lời khai của bà Hà Thị L1 (đã chết ngày 09/3/2024) cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Về nhận thức, các bị cáo biết được hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền bằng hình thức mua bán số đề là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự.

[3.3] Tổng số tiền đánh bạc của Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T và Nguyễn Thị T1 với Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn H1, Trương Thị G, Nguyễn Tấn Đ1 và 02 người không rõ lai lịch, đài xổ số M3, ngày 17/10/2023 là 14.142.000 đồng (mười bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng), bao gồm cả tiền bán số đề và tiền trúng số đề (Tiền bán số đề là 5.722.000 đồng, tiền trúng số đề là 8.400.000 đồng). Trong đó: Tổng số tiền N, T, T1 và Nguyễn Ngọc Q đánh bạc (tiền mua số đề và tiền trúng số đề của đài xổ số M3) là 5.070.000 đồng; số tiền H1 và N, T, T1 đánh bạc là 4.400.000 đồng (tiền mua số đề và tiền trúng số đề); số tiền G và N, T, T1 đánh bạc, bao gồm tiền trúng số đề và tiền mua số đề là 3.902.000 đồng. Số tiền N, T, T1 và Đ1 đánh bạc đài M3 là: 240.000 đồng. Số tiền N, T, T1 đánh bạc với 02 đối tượng không rõ lai lịch là 530.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[4] Cáo trạng số 144/CT-VKSPG ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm. Trong đó, bị cáo Nguyễn Trọng N vừa là người đề xuất vừa là người thực hành; các bị cáo Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q là người thực hành. Vì vậy, cần áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự để phân hoá hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[6.1] Hành vi tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo ý thức được rằng đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác và pháp luật sẽ xử lý nghiêm loại tội phạm này nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nghĩa là người khuyết tật đặc biệt nặng (theo Giấy xác nhận khuyết tật số 25879000076 ngày 03/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương); bị cáo N, T đang nuôi con nhỏ sinh năm 2017 và thuộc diện hộ nghèo; bị cáo T là lao động chính và hiện đang chăm sóc cho bị cáo

Nghĩa là người khuyết tật đặc biệt nặng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, sớm nhận ra lỗi lầm của mình, sửa chữa trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6.4] Xét bị cáo Nguyễn Ngọc Q phạm tội ít nghiêm trọng, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[6.5] Xét bị cáo Nguyễn Trọng N phạm tội ít nghiêm trọng, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Xét bị cáo Nghĩa là người khuyết tật đặc biệt nặng, có nghề nghiệp là bán vé số, thu nhập chỉ đủ nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử xem xét miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[6.6] Xét các bị cáo Chiêu Thị Ngọc T và Nguyễn Thị T1 có mức hình phạt tù không quá 03 năm, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo T có nơi làm việc ổn định. Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các biện pháp tư pháp đối với các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng N và bị cáo Chiêu Thị Ngọc T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về biện pháp tư pháp:

[9.1] Số tiền 1.170.000 đồng thu trên chiếu bạc, số tiền 2.300.000 đồng trên người của các đối tượng La Thị Kim L (số tiền 900.000 đồng) và Nguyễn Thị M2 (số tiền 1.400.000 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tiền các đối tượng L1, L, H2 và M2 sử dụng vào việc đánh bạc thắng thua bằng tiền nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9.2] 01 (một) bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9.3] Số tiền 6.500.000 đồng thu giữ của bà Hà Thị L1. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là tài sản của bà L1, không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền 6.500.000 đồng cho bà L1, bà L1 đã nhận lại số tiền trên và không yêu cầu gì thêm.

[9.4] 02 (hai) tờ giấy màu vàng có ghi số đề (phơi đề); 07 (bảy) tờ lịch xé nhỏ có ghi số đề (phơi đề); 01 (một) cuốn sổ tay bìa màu đỏ, bên trong có 07 (bảy) tờ giấy ghi số đề (phơi đề). Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vật chứng của vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[9.5] 01 (một) điện thoại di dộng hiệu N2 màu đen của Nguyễn Trọng N; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xám xanh của Nguyễn Văn H1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax của Trương Thị G; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPOA57 màu đen của Nguyễn Tấn Đ1 và 01 (một) điện thoại di động hiệu N2 màu đen của Chiêu Thị Ngọc T. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9.6] Tổng số tiền thu giữ của Nguyễn Trọng N và Chiêu Thị Ngọc T là 11.280.000 đồng (thu giữ của N số tiền 5.900.000 đồng; thu giữ của T số tiền 5.380.000 đồng). Tổng số tiền N, T và T1 đánh bạc vào các ngày 20/9/2023, 16/10/2023 và đài M3 của ngày 17/10/2023 là 14.884.000 đồng, đài Miền Bắc của ngày 17/10/2023 là 250.000 đồng nhưng số tiền thanh toán thực tế là 13.859.000 đồng. Hội đồng xét xử quyết định tịch thu số tiền của N và T là 11.280.000 đồng và buộc của N, T, T1 liên đới nộp thêm số tiền là 10.000 đồng [2.579.000 đồng - 700.000 đồng (thu giữ của Nguyễn Văn H1) - 1.489.000 đồng (thu giữ của Trương Thị G) - 380.000 đồng (thu giữ của Nguyễn Tấn Đ1)] để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 700.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H1. Đây là tiền H1 sử dụng thực hiện hành vi đánh bạc, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 1.489.000 đồng thu giữ của Trương Thị G. Đây là tiền G sử dụng thực hiện hành vi đánh bạc, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 380.000 đồng thu giữ của Nguyễn Tấn Đ1. Đây là tiền Đ1 sử dụng thực hiện hành vi đánh bạc, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức mua bán số đề của các đối tượng Trương Thị G, Nguyễn Tấn Đ1, Nguyễn Văn H1 chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự nên Công an huyện P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[11] Hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài tứ sắc của các đối tượng Hà Thị L1, La Thị Kim L, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị M2 và hành vi dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa chấp việc đánh bạc của Chiêu Thị Ngọc T chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Công an huyện

P ra các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng là phù hợp quy định pháp luật.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 58 và Điều 35, Điều 36, Điều 47, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, điểm d khoản 1 Điều 125, Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 87, Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q phạm tội "Đánh bạc".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng N 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương nhận được Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Trọng N.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Xử phạt bị cáo Chiêu Thị Ngọc T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2025).

Giao bị cáo Chiêu Thị Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Chiêu Thị Ngọc T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T1 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2.5. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q kể từ ngày 08/5/2025.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 17.319.000đ (mười bảy triệu ba trăm mười chín nghìn đồng).

3.2. Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) bộ bài tứ sắc đã qua sử dụng.

3.3. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu N2 màu đen, số imei: 357698106932999; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xám xanh, số imei 354257/06/693512/1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax (điện thoại bị vỡ mặt trước và mặt sau, được niêm phong trong bì thư có chữ ký của Nguyễn Quốc N1, Ninh Thị Thu V và dấu mộc đỏ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo); 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A57 màu đen, imei1: 869945067382339, imei2: 869945067382321 và 01 (một) điện thoại di động hiệu N2 màu đen, imei: 352055/02/050664/6.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và Giấy nộp tiền ngày 11 tháng 11 năm 2024 vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương)

3.4. Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 02 tờ giấy màu vàng có ghi số đề (phơi đề); 07 tờ lịch xé nhỏ có ghi số đề (phơi đề); 01 cuốn sổ tay bìa màu đỏ, bên trong có 07 tờ giấy ghi số đề (phơi đề).

3.5. Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T và Nguyễn Thị T1 liên đới nộp lại số tiền 10.000đ (mười nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng N, Chiêu Thị Ngọc T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Ngọc Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- CQ CSĐT Công an tỉnh Bình Dương; (2)
- VKSND huyện Phú Giáo; (1)
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- Phòng PV06 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- UBND nơi cư trú của bị cáo (để thay thông báo); (4)
- Những người tham gia tố tụng; (12)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Ân